

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 393/2024/DS-PT

Ngày 02-8-2024

V/v tranh chấp về đòi tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tài.

*Các thẩm phán:* Ông Bùi Ngọc Thạch.

Ông Nguyễn Trung Dũng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Kim Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 và ngày 02 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 5 năm 2024, về việc: “tranh chấp về đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2024/DS-ST ngày 11/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 249/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Hoàng Trọng Q, sinh năm 1985; địa chỉ: số A Tòa nhà P, E, đường Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: số E đường N, Phường I, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Nguyễn Thế T, sinh năm 1976; địa chỉ: số F đường L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 06/4/2023), (có mặt).

**2. Bị đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần K; địa chỉ: số F, phố Q, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội (địa chỉ chi nhánh: số 347-349, Đại lộ B, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương).

**Người đại diện hợp pháp của bị đơn:**

+ Ông Lương Hồng B - Chức vụ: Giám đốc Dịch vụ khách hàng kiêm Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP K - Chi nhánh B1; địa chỉ liên hệ: số C Đại lộ B, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, (có mặt).

+ Bà Vũ Thanh N - Giám đốc giải quyết khiếu nại Khách hàng - Khối quản trị ngân hàng - Ngân hàng TMCP K, (vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Nhật L - Chuyên viên cao cấp cố vấn pháp lý - Bộ phận cố vấn pháp lý hội sở - Khối quản trị ngân hàng - Ngân hàng TMCP K, (có mặt).

Là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền số 032/2023/UQ-TCB ngày 07/3/2024).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Anh V, sinh năm 1991; địa chỉ: số E đường H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: số B đường N, Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

*Người kháng cáo:* bị đơn Ngân hàng TMCP K.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Nguyên đơn ông Hoàng Trọng Q trình bày:* Vào lúc 13 giờ 03 phút, ngày 17/01/2022, ông Hoàng Trọng Q có chuyển cho ông Lê Trọng T1 số tiền 450.000.000 đồng. Tuy nhiên, trước đó năm 2020 ông Q có nhờ ông Lê Anh V làm bằng lái ô tô, ông Q đã chuyển tiền và lưu số tài khoản của ông V trong danh bạ của ứng dụng Internet banking. Do đó, trong lúc thực hiện thao tác giao dịch chuyển khoản từ ứng dụng Internet banking MyVIB của Ngân hàng TMCP Q2 (V1), ông Q đã bấm “Le” để chuyển cho ông Lê Trọng T1 nhưng ứng dụng đã hiện lên “Le Anh Vu” và do sơ suất không nhìn kỹ họ tên dẫn tới chuyển nhầm số tiền 450.000.000 đồng vào tài khoản thụ hưởng số 19033562917019 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần K (Ngân hàng T2), chủ tài khoản tên Lê Anh V.

Khi chuyển xong, ông Q cứ nghĩ đã chuyển được cho ông Lê Trọng T1, sau đó ông Q gọi cho ông T1 hỏi đã nhận được tiền chưa thì ông T1 nói chưa nhận được. Ông Q kiểm tra lại thì biết được đã chuyển vào số tài khoản của ông V. Ngay sau khi phát hiện ra sự việc chuyển nhầm, ông Q đã thông báo ngay cho Ngân hàng V1 và Ngân hàng V1 đã thực hiện ngay lệnh tra soát, gửi văn bản đến Ngân hàng T2 để đề nghị ngăn chặn, xử lý và hỗ trợ thu hồi số tiền chuyển nhầm nêu trên. Đến ngày 20/01/2022, ông Q được biết Ngân hàng T2 có ban hành Công văn số 296/2022/VHT-TCB03 gửi đến Ngân hàng V1, về việc phúc đáp đề nghị hỗ trợ thu hồi giao dịch chuyển nhầm, với nội dung: “... Sau khi nhận được yêu cầu hỗ trợ nhờ thu cho GD ở trên từ phía quý Ngân hàng chúng tôi đã: Liên hệ với KH nhận của T2 ... chúng tôi rất tiếc về việc không có căn cứ để hỗ trợ thu hồi số tiền GD từ tài khoản của KH T2 để hoàn trả cho KH của Q1 Ngân hàng ...”.

Vì quá bức xúc, ông Q đã làm đơn trình báo gửi đến Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an Q3, Thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu giải quyết. Sau khi nhận đơn trình báo của ông Q, Công an đã tiến hành xác minh, đến ngày 31/01/2023 Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an Q3, Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Thông báo số 275/ĐTTH, với nội dung: “... Căn cứ kết quả xác minh có căn cứ xác định việc anh Hoàng Trọng Q trình báo chuyển nhầm số tiền

450.000.000VNĐ từ tài khoản số 608704060092043 của anh Q mở tại Ngân hàng TMCP Q2 – Chi nhánh Q4 vào tài khoản số 19033562917019 chủ tài khoản “LE ANH VU” mở tại Ngân hàng T2 là có cơ sở. Tuy nhiên, chủ tài khoản Lê Anh V bị nợ xấu thẻ tín dụng nên khi số tiền của anh V chuyển nhằm vào đã bị Ngân hàng TMCP K trừ vào khoản nợ thẻ tín dụng, số tiền còn lại vẫn còn trong tài khoản của Lê Anh V ...”.

Căn cứ vào thông báo trên của Công an, phía ông Q đã nhiều lần liên hệ với ban lãnh đạo Ngân hàng TMCP K - Chi nhánh B1 để yêu cầu giải quyết vụ việc chuyển nhằm số tiền 450.000.000 đồng, nhưng bên phía Ngân hàng TMCP K - Chi nhánh B1 không giải quyết nên buộc nguyên đơn phải khởi kiện yêu cầu: Ngân hàng TMCP K trả lại cho ông Q số tiền 450.000.000 đồng mà ông Q đã chuyển nhằm vào tài khoản của ông Lê Anh V tại Ngân hàng TMCP K - Chi nhánh B1.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác định số tiền ông Q chuyển nhằm vào tài khoản của ông V là 450.000.000 đồng nhưng do ông Lê Anh V bị nợ xấu thẻ tín dụng nên khi ông Q chuyển nhằm vào tài khoản của ông V đã bị Ngân hàng TMCP K trừ vào khoản nợ thẻ tín dụng số tiền 120.852.312 đồng, số tiền còn lại vẫn còn trong tài khoản của Lê Anh V là 329.147.688 đồng. Do đó, nguyên đơn làm đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

+ Buộc ông Lê Anh V phải trả cho ông Q số tiền 329.147.688 đồng hiện vẫn còn trong tài khoản ông V.

+ Buộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần K phải trả lại cho ông Q số tiền 120.852.312 đồng mà ngân hàng đã thu nợ thẻ tín dụng của ông Lê Anh V.

*Bị đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần K trình bày:* Ông Lê Anh V là chủ số tài khoản số 19033562917019 được mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần K - Chi nhánh B1 (Viết tắt Ngân hàng T2). Tháng 01/2022, Ngân hàng có nhận được đơn yêu cầu của ông Hoàng Trọng Q về việc tra soát tài khoản của ông Hoàng Trọng Q về việc chuyển nhằm vào tài khoản của ông Lê Anh V số tiền 450.000.000 đồng. Theo như đơn của ông Q thì ông Q yêu cầu ngân hàng hỗ trợ chuyển lại cho ông Q số tiền mà ông Q chuyển nhằm vào số tài khoản của ông V. Sau khi nhận được đơn của ông Q, ngân hàng liên hệ với ông V nhưng sau nhiều lần liên hệ vẫn không thể liên hệ được nên ngân hàng đã trả lời cho ông Q được biết là không thể chuyển trả lại cho ông Q vì theo quy định nếu như không có yêu cầu của chủ tài khoản thì ngân hàng không thể tự ý chuyển tiền trong tài khoản của chủ tài khoản.

Sau khi kiểm tra số tài khoản của ông V thì có số dư của ông V trong tài khoản là 450.000.000 đồng nhưng do trước đó ông V đang có một khoản nợ tín dụng chưa trả là 120.852.312 đồng nên ngân hàng đã tiến hành trích thu nợ tự động theo đúng thỏa thuận của khách hàng và quy định của pháp luật, số tiền còn lại hiện nay tính đến ngày 04/01/2024 đang có trong tài khoản của ông V là 331.260.741 đồng.

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn có ý kiến như sau: Ngân hàng Thương mại Cổ phần K chỉ là người trung gian, là tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ thanh toán, mở tài khoản, thanh toán cho khách hàng nên khi ông Q chuyển vào số tài khoản của ông V được mở tài khoản tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần K thì ngân hàng không tự ý hoàn trả hay chuyển số tiền của chủ tài khoản khi không có yêu cầu của chủ tài khoản, phía nguyên đơn cho rằng nguyên đơn chuyển nhầm vào số tài khoản của ông V nhưng cho đến nay chưa có căn cứ để xác định ông Q đã chuyển nhầm vào tài khoản của ông V nên mặc dù qua tra soát thì trong tài khoản của ông V từ ngày 04/01/2024 vẫn còn số tiền 331.260.741 đồng nhưng không thể chuyển hoàn lại cho ông Q.

Quá trình giải quyết, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu ngân hàng trả lại cho nguyên đơn số tiền 120.852.312 đồng mà ngân hàng đã thu nợ thẻ tín dụng của ông Lê Anh V nên ngân hàng không đồng ý vì ông V đang nợ tiền của ngân hàng nên khi trong tài khoản ông V có tiền thì hệ thống sẽ tự động trừ để thu hồi nợ theo như đã thỏa thuận trong Hợp đồng kiêm đề nghị mở thẻ tín dụng ngày 09/4/2019 được ký kết giữa ông Lê Anh V với Ngân hàng Thương mại Cổ phần K - Chi nhánh B1.

Đối với việc nguyên đơn yêu cầu ông Lê Anh V phải trả cho nguyên đơn số tiền 329.147.668 đồng mà hiện đang có trong tài khoản của ông V. Do hiện nay, ngân hàng cũng không liên lạc được với ông V, quá trình giải quyết vụ án ông V cũng không tham gia khi Tòa án triệu tập. Do đó, khi nào ông Q chứng minh được toàn bộ số tiền nêu trên là do chuyển nhầm thì ngân hàng mới đồng ý trả lại số tiền hiện nay đang có trong tài khoản của ông V.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Anh V không tham gia tố tụng tại cấp sơ thẩm.*

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 11/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương đã quyết định như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “Kiện đòi tài sản” đối với bị đơn Ngân hàng TMCP K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Anh V.

Buộc bị đơn Ngân hàng TMCP K có trách nhiệm trả lại cho ông Hoàng Trọng Q số tiền 120.852.312đ (một trăm hai mươi triệu tám trăm năm mươi hai nghìn ba trăm mười hai đồng).

Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Anh V có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Hoàng Trọng Q số tiền 329.147.688đ (Ba trăm hai mươi chín triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm tám mươi tám đồng) trong tài khoản số 19033562917019 của chủ tài khoản Lê Anh V mở tại Ngân hàng TMCP K.

Ngoài ra bản án còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25 tháng 3 năm 2024, bị đơn Ngân hàng

TMCP K kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất xác định: ngày 17/01/2022, ông Q có chuyển vào tài khoản của ông V số tiền 450.000.000 đồng với nội dung: “*HOANG TRONG QUYNH chuyen tien toi LE ANH VU 19033562917019*”. Bị đơn Ngân hàng TMCP K cũng xác định đã tiến hành trích thu nợ của ông V tự động số tiền 120.852.312 đồng từ tài khoản của ông V, số tiền còn lại trong tài khoản của ông V từ ngày 04/01/2024 là 331.260.741 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Lời trình bày của nguyên đơn về quá trình chuyển tiền phù hợp với quy trình chuyển tiền, được bị đơn thừa nhận: trong ứng dụng của Internet banking nếu như chủ tài khoản lưu số tài khoản thì khi thực hiện thao tác bấm họ tên hoặc số tài khoản thì ứng dụng sẽ hiện lên đầy đủ thông tin họ tên và số tài khoản nên trong nội dung chuyển sẽ được thể hiện đầy đủ họ tên và số tài khoản, ngoại trừ trường hợp chủ tài khoản muốn thay đổi nội dung khi chuyển khoản. Do đó, có cơ sở xác định ông Q có chuyển tiền vào tài khoản của ông V là do nhầm lẫn.

Do không liên lạc được với chủ tài khoản là ông V để lấy ý kiến của khách hàng nên ngân hàng căn cứ vào khoản 3 Điều 10 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 “*Từ chối việc điều tra, phong tỏa, cầm giữ, trích chuyển tiền gửi của khách hàng, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng*”, từ chối trả tiền cho ông Q là có cơ sở.

Tuy nhiên, trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật nhưng ông V vẫn không tham gia tố tụng. Vì vậy, Tòa án giải quyết vụ kiện vắng mặt ông V là phù hợp quy định của pháp luật. Ông V phải tự chịu trách nhiệm về sự vắng mặt của mình.

Mặc dù giữa ông V và phía Ngân hàng TMCP K có thỏa thuận được quyền trích nợ/ tất toán các khoản nhưng số tiền 120.852.312 đồng mà ngân hàng đã trích thu nợ tự động 17/01/2022 là của ông Q chuyển nhầm vào tài khoản của ông V, không là tiền của ông V nên việc Ngân hàng đã trích thu nợ số tiền này là không phù hợp với thỏa thuận giữa ông V và Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng phải trả lại cho ông Q số tiền này. Còn số tiền ông V đang nợ Ngân hàng TMCP K theo Hợp đồng kiêm đề nghị mở thẻ tín dụng ngày 09/4/2019 thì Ngân hàng được quyền khởi kiện ông V tại vụ án khác khi có yêu cầu.

Tuy nhiên, việc xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự là do Tòa án xác định. Tòa án cấp sơ thẩm xác định Ngân hàng TMCP K là bị đơn, ông Lê Anh V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chưa chính xác, cần xác định lại tư cách tố tụng của đương sự. Việc xác định lại tư cách tố tụng của đương sự không làm thay đổi bản chất đường lối giải quyết vụ án.

Từ những phân tích trên, nhận thấy: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án chưa phù hợp quy định pháp luật; yêu cầu kháng cáo của bị đơn có cơ sở 01 phần. Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm về tư cách tố tụng của các đương sự như sau: bị đơn là ông V, Ngân hàng TMCP K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan).

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: kháng cáo của bị đơn Ngân hàng TMCP K trong hạn luật định, căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Nguyên đơn ông Hoàng Trọng Q đăng ký Tài khoản số 608704060092043 tại Ngân hàng TMCP Q2 – Chi nhánh Q4, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Anh V đăng ký Tài khoản số 19033562917019 tại Ngân hàng K – Chi nhánh B1.

[4] Lúc 13 giờ 03 phút ngày 17/01/2022, nguyên đơn ông Hoàng Trọng Q Tài khoản số 608704060092043 mở tại Ngân hàng TMCP Q2 – Chi nhánh Q4, Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt Ngân hàng V1) chuyển tiền cho ông Lê Anh V Tài khoản số 19033562917019 mở tại Ngân hàng K – Chi nhánh B1 (gọi tắt là Ngân hàng T2) số tiền 450.000.000 đồng được thể hiện tại bút lục số 21 (sổ chi tiết tài khoản do Ngân hàng V1 cung cấp) và tại bản liệt kê giao dịch tài khoản bút lục 36.

[5] Sau khi ông Q phát hiện chuyển nhầm số tiền 450.000.000.000 đồng vào tài khoản của ông Lê Anh V thì ông Q có đề nghị Ngân hàng V1 hỗ trợ gửi văn bản đến Ngân hàng T2 thu hồi giao dịch chuyển nhầm. Ngày 18/01/2022, Ngân hàng V1 có văn bản gửi đến Ngân hàng T2 đề nghị hỗ trợ hoàn tiền do chuyển nhầm.

[6] Ngày 20/01/2022, Ngân hàng T2 có văn bản trả lời, trong đó có nội dung “Sau khi nhận được yêu cầu hỗ trợ nhờ thu cho giao dịch ở trên từ phía Quý Ngân hàng chúng tôi đã liên hệ với khách hàng nhận của T2.... Chúng tôi rất tiếc về việc không có căn cứ để hỗ trợ thu hồi số tiền giao dịch từ tài khoản của khách hàng T2 để hoàn trả cho khách hàng của quý Ngân hàng” (bút lục 08).

[7] Do Ngân hàng T2 không liên lạc được với ông Lê Anh V để thu hồi số tiền giao dịch trả lại cho ông Q, do đó ông Q đã làm đơn trình báo đến Công an Q3, thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu phong tỏa số tiền 450.000.000 đồng trong tài khoản số 19033562917019 của ông Lê Anh V tại Ngân hàng T2.

[8] Ngày 31/01/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q3, Thành phố Hồ Chí Minh có Thông báo số 275/ĐTTH gửi Ngân hàng T2 thể hiện nội dung ông Q chuyển nhầm tiền vào tài khoản số 19033562917019 của ông Lê Anh V mở tại Ngân hàng T2, tài khoản trên bị trừ số tiền 116.480.732 đồng với diễn giải “thu nợ quá hạn thẻ tín dụng của khách hàng Lê Anh V số tài khoản 19033562917019 ngày 17/01/2022 và giao dịch trừ số tiền 4.371.580 đồng với diễn giải “thu nợ thẻ tín dụng của khách hàng Lê Anh V”. Hiện số dư tài khoản là 329.875.502 đồng.

[9] Với những tài liệu, chứng cứ trên có căn cứ xác định nguyên đơn ông Q chuyển nhầm vào số tài khoản số 19033562917019 của ông Lê Anh V số tiền 450.000.000 đồng là có căn cứ.

[10] Theo quy định tại điểm c, điểm d, khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 23/2014/TT-NHNN ngày 19/8/2014 về việc hướng dẫn việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán như sau:

*“c) Kịp thời thông báo cho tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán nơi mở tài khoản khi phát hiện thấy có sai sót, nhầm lẫn trên tài khoản của mình hoặc nghi ngờ tài khoản của mình bị lợi dụng;*

*d) Hoàn trả hoặc phối hợp với tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán hoàn trả các khoản tiền do sai sót, nhầm lẫn đã ghi Có vào tài khoản thanh toán của mình”.*

[11] Tại khoản 3 Điều 10 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: “*Từ chối việc điều tra, phong tỏa, cầm giữ, trích chuyển tiền gửi của khách hàng, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng”.*

[12] Tại Điều 579 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “*Người chiếm hữu, người sử dụng tài sản của người khác mà không có căn cứ pháp luật thì phải hoàn trả cho chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản đó; nếu không tìm được chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản thì phải giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trừ trường hợp quy định tại Điều 236 của Bộ luật này”.*

[13] Như vậy, do ông Q đã chuyển nhầm số tiền 450.000.000 đồng vào số tài khoản của ông V nên buộc ông V phải trả lại số tiền 450.000.000 đồng cho ông Q. Tuy nhiên, do ông V đang có một khoản nợ tín dụng chưa trả là 120.852.312 đồng nên Ngân hàng T2 đã tiến hành trích thu nợ tự động vào ngày 17/01/2022. Số tiền còn lại trong tài khoản của ông V t đến ngày 04/01/2024 là 331.260.741 đồng. Ông V có nghĩa vụ trả lại số tiền 331.260.741 đồng cho ông Q.

[14] Đối với việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn Ngân hàng T2 trả lại số tiền 120.852.312 đồng do Ngân hàng T2 trích thu nợ tự động trong tài khoản của ông V:

[15] Ngân hàng T2, cho rằng trước đó ông V đang có một khoản nợ tín dụng chưa trả là 120.852.312 đồng nên khi tài khoản của ông V có tiền thì Ngân hàng T2 đã tự động trích thu nợ theo đúng thỏa thuận của khách hàng.

[16] Tòa án nhận thấy Ngân hàng T2 là đơn vị dịch vụ, cung ứng các số tài khoản, thẻ tín dụng cho khách hàng, giữa ông V với Ngân hàng có giao dịch sử dụng thẻ tín dụng và thỏa thuận Ngân hàng T2 có quyền trích thu nợ tự động đối với tài khoản của ông V khi ông V nợ tiền. Do đó, khi ông Q chuyển số tiền 450.000.000 đồng vào tài khoản của ông V thì cùng ngày 17/01/2022, hệ thống trích thu tự động của Ngân hàng T2 đã trích thu tiền nợ của ông V như nội dung Thông báo số 275/ĐTTH ngày 31/01/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q3, Thành phố Hồ Chí Minh nêu trên, chứ Ngân hàng không trích thu sau khi đã biết ông Q chuyển nhầm tiền.

[17] Với tài liệu, chứng cứ thu thập tại hồ sơ, Tòa án cấp phúc thẩm nhận thấy nguyên đơn ông Hoàng Trọng Q khởi kiện Ngân hàng TMCP K với tư cách bị đơn là chưa đúng quy định của pháp luật. Ngân hàng TMCP K không phải là bị đơn trong vụ án, vì Ngân hàng không giữ tài sản (tiền) của ông Q mà số tiền ông Q chuyển vào tài khoản của ông V thì ông V là chủ tài khoản này và đang chiếm giữ tiền của ông Q. Ông V là người bị kiện mới đúng.

[18] Đối với số tiền 120.852.312 đồng Ngân hàng T2 trích thu tự động trước khi Ngân hàng V1 gửi văn bản đến Ngân hàng T2 để thu giữ hộ tiền ông Q chuyển nhầm, chứ Ngân hàng T2 không trích thu khi biết đã chuyển nhầm và không thể biết nguồn tiền chuyển vào tài khoản của ông V là như thế nào, của ai. Trường hợp có căn cứ chứng minh, ông Q chuyển nhầm tiền vào tài khoản của ông V mà Ngân hàng T2 đã trích thu tiền nợ nay có nghĩa vụ trả lại, thì trường hợp này xác định Ngân hàng T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Q đối với Ngân hàng T2 là không đúng. Kháng cáo của Ngân hàng có căn cứ chấp nhận.

[19] Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm không có kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q3, Thành phố Hồ Chí Minh hủy lệnh phong tỏa số 536/LPT-ĐTTH ngày 07/12/2022, để giải tỏa số tiền 329.875.502 đồng trong tài khoản số 19033562917019 của ông Lê Anh V khi thi hành án bản án có hiệu lực pháp luật. Không tuyên Ngân hàng T2 có nghĩa vụ trích tiền từ tài khoản số 19033562917019 của Lê Anh V để chuyển trả lại toàn bộ số tiền số tiền 329.147.688 đồng cho ông Q thì khó khăn khi thi hành án.

[20] Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ông Hoàng Trọng Q phải chịu được trừ hết vào tiền tạm ứng đã nộp trước đây tại Tòa án.

[21] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hoàng Trọng Q phải chịu 300.000 đồng.



[22] Án phí phúc thẩm: trả lại cho Ngân hàng T2 300.000 đồng tạm ứng án phí.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là chưa phù hợp.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 48, 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo Ngân hàng TMCP K.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 11/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương như sau:

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Trọng Q về việc “tranh chấp về đòi tài sản” đối với bị đơn Ngân hàng TMCP K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Anh V.

2. Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ông Hoàng Trọng Q phải chịu được trừ hết vào tiền tạm ứng đã nộp trước đây tại Tòa án cấp sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hoàng Trọng Q phải chịu 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.000.000 (mười một triệu đồng), trả lại cho ông Q 10.700.000 đồng (mười triệu bảy trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền số 0003391 ngày 18/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

4. Án phí phúc thẩm: trả lại cho Ngân hàng TMCP K 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai số 0002250 ngày 29/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- TAND thành phố Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Tổ hành chính tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Tài**